

QUYẾT ĐỊNH

Về chủ trương đầu tư

**Tên dự án: Các dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới thuộc
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, có sử dụng vốn ngân sách
Trung ương kế hoạch năm 2018 trên địa bàn huyện An Lão**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các Văn bản số 269/BC-SKHĐT, Văn bản số 270/BC-SKHĐT ngày 22/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Các dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, có sử dụng vốn ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2018, trên địa bàn huyện An Lão, do UBND các xã An Toàn, An Nghĩa, An Quang, An Hòa, An Tân, An Hưng, An Trung, An Vinh làm chủ đầu tư, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng các công trình nhằm góp phần đảm bảo yêu cầu đạt chuẩn của các tiêu chí nông thôn mới, phục vụ nhu cầu sản xuất, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; đồng thời, tạo mỹ quan cho khu dân cư, đáp ứng với các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm C quy mô nhỏ, thuộc các tiêu chí giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, môi trường và an toàn thực phẩm đầu tư ở các xã nông thôn mới trên địa bàn huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

3. Địa điểm thực hiện dự án: trên địa bàn các xã An Toàn, An Nghĩa, An Quang, An Hòa, An Tân, An Hưng, An Trung, An Vinh.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 14.007.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, không trăm lẻ bảy triệu đồng).

5. Khả năng cân đối vốn đầu tư công cho dự án: Phần vốn cân đối từ các nguồn cho dự án ở các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng.

Năm	Ngân sách trung ương	Ngân sách xã, vốn dân góp và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác
2018	9.330.000.000	2.019.000.000
2019	2.658.000.000	
Tổng cộng	11.988.000.000	2.019.000.000

6. Nguồn vốn thẩm định: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách tỉnh, vốn ngân sách các xã, vốn dân góp và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn thẩm định: Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã nông thôn mới như giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, v.v...

8. Thời gian thực hiện dự án: năm 2018 - 2020.

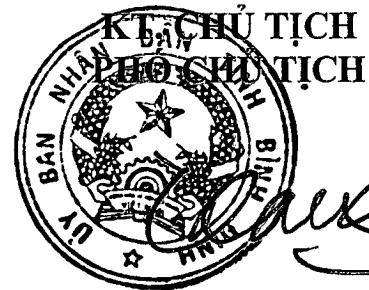
(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành hồ sơ dự án trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quyết định đầu tư dự án, để triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện An Lão, Chủ tịch UBND các xã An Toàn, An Nghĩa, An Quang, An Hòa, An Tân, An Hưng, An Trung, An Vinh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ly*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Châu;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.(M.201b) *ly*



Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

**CÁC DỰ ÁN NHÓM C QUY MÔ NHỎ, KHỞI CÔNG MỚI CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
CÓ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN AN LÃO**

(Kèm theo Quyết định số **2244/QĐ-UBND** ngày **03/7/2018** của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư của dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán dự án			Nguồn vốn đầu tư dự kiến các năm					
								Kế hoạch năm 2018			Kế hoạch năm 2019		
					Tổng	Ngân sách TW, trái phiếu Chính phủ	Ngân sách xã, vốn dân góp và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách TW, trái phiếu Chính phủ	Ngân sách xã, vốn dân góp và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	Ngân sách TW, trái phiếu Chính phủ	Ngân sách xã, vốn dân góp và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác
I	HUYỆN AN LÃO				14.007	11.988	2.019	11.349	9.330	2.019	2.658	2.658	0
1	Xã An Toàn				1.770	1.600	170	1.547	1.377	170	223	223	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>												
a	Bê tông hóa tuyến từ Thôn 3 đến đồng Trinh (đoạn nối tiếp)	Thôn 2	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m; L=691,22m	2018	1.050	950	100	1.050	950	100	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>												
b	Xây mới sân vận động xã	Thôn 02	Diện tích sân lắp 0,4 ha	2018	720	650	70	497	427	70	223	223	0
2	Xã An Nghĩa				1.281	1.155	126	1.281	1.155	126	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>												
a	Làm mới tuyến đường từ nhà Bà Thuận đến cuối làng cũ	thôn 2	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m; L=350m	2018	725	650	75	725	650	75	0	0	0
	<i>Tiêu chí 5: Trường học</i>												
b	Xây mới tường rào cổng ngõ tại điểm trường tiểu học thôn 4	Thôn 4	Sân bê tông: dày 10cm, trụ cò, tường rào lưới B40=132m; cổng ngõ	2018	293	266	27	293	266	27	0	0	0
c	Xây mới tường rào, cổng ngõ tại điểm trường tiểu học thôn 5	Thôn 5	Sân bê tông: dày 10cm, trụ cò, tường rào lưới B40=139m; cổng ngõ	2018	263	239	24	263	239	24	0	0	0
3	Xã An Quang				1.697	1.457	240	1.617	1.377	240	80	80	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>												
a	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ khu giãn dân thôn 3, thôn 4 đến đồng mây	Thôn 3	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m; L=550m	2018	562	427	135	562	427	135	0	0	0



	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa												
b	Nâng cấp nhà văn hóa thôn 2	Thôn 2	Diện tích xây dựng 250m ²	2018	310	280	30	250	220	30	60	60	0
c	Nâng cấp nhà văn hóa thôn 4	Thôn 4	Diện tích xây dựng 250m ²	2018	220	200	20	200	180	20	20	20	0
d	Nâng cấp nhà văn hóa thôn 5 (Hạng mục: Sửa chữa nhà văn hóa, sân bê tông)	Thôn 5	Sửa chữa nhà văn hóa 70 m ² ; sân bê tông 140m ²	2018	297	270	27	297	270	27	0	0	0
đ	Nâng cấp nhà văn hóa thôn 6 (Hạng mục: Sửa chữa nhà văn hóa, sân bê tông)	Thôn 6	Sửa chữa nhà văn hóa 65 m ² ; sân bê tông 80m ² ; Mái taly: 25 x 1,8m	2018	308	280	28	308	280	28	0	0	0
4	Xã An Trung				1.516	1.377	139	1.516	1.377	139	0	0	0
	Tiêu chí 2: Giao thông												
a	Xây dựng đường BT GTNT và cống hợp thôn 3-8 (đường liên thôn)	Thôn 6	Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m; L=64m; Cống hợp L=4m	2018	880	800	80	880	800	80	0	0	0
b	Sửa chữa, nâng cấp đường BTXM từ TmangGheng đến Thôn 3	0	Sửa chữa, nâng cấp đường Bê tông GTNT loại B; Bm=3m, Bn=5m; L=3Km	2018	636	577	59	636	577	59	0	0	0
5	Xã An Hòa				3.100	2.400	700	2.077	1.377	700	1.023	1.023	0
	Tiêu chí 17: Môi trường												
a	Thoát nước từ Trường Nhật đến Đồng Bàu	T Hương Nhượng	Mương thoát úng kích thước 50x70cm, dày 15cm, L=600m	2018	1.500	1.150	350	950	600	350	550	550	0
b	Thoát nước khu vực từ nhà 9 trong - nhà ông Nghiêm	Thôn Vạn Khánh	Mương thoát úng kích và Cống bi D800 dài 700m	2018	1.600	1.250	350	1.127	777	350	473	473	0
6	Xã An Tân				1.942	1.550	392	1.071	679	392	871	871	0
	Tiêu chí 2: Giao thông												
a	Đường bê tông giao thông nội đồng đoạn từ ĐT(An Tân - An Quang) đến Gò Bà Nắng thôn Thuận An	Thôn Thuận An	Công trình giao thông, cấp 4; Bm = 3,0m; Bn = 4m; Bt = 2 x 0,5; dài 850m	2018	942	650	292	642	350	292	300	300	0
	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa												
b	Nâng cấp nhà văn hóa Thôn Tân An	Thôn Tân An	Diện tích xây dựng 250m ²	2018	500	450	50	214	164	50	286	286	0
c	Nâng cấp nhà văn hóa Thôn Tân Lập	Thôn Tân Lập	Diện tích xây dựng 250m ²	2018	500	450	50	215	165	50	285	285	0

Handwritten signature

7	Xã An Vinh				1.161	1.049	112	1.161	1.049	112	0	0	0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>												
a	BTXM từ đường bê tông đến nhà văn hóa và đến nhà Ông Chính (Làng xen ghép)	Thôn 3	L=100m, Đường loại C; Bê tông đá 2x4 dày 16cm	2018	100	90	10	100	90	10	0	0	0
b	BTXM từ nhà bà Thoai đến nhà Ông Rong và từ nhà bà Tú đến nhà ông Phương	Thôn 6	L=220m, Đường loại C; Bê tông đá 2x4 dày 16cm	2018	278	250	28	278	250	28	0	0	0
c	BTXM từ Lò Cau đến nhà ông Dao	Thôn 7	L=100m, Đường loại C; Bê tông đá 2x4 dày 16cm	2018	111	100	11	111	100	11	0	0	0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>												
d	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa thôn 3	Thôn 3	Tổng diện tích sửa chữa 102m2	2018	333	300	33	333	300	33	0	0	0
đ	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa thôn 5	Thôn 5	Tổng diện tích sửa chữa 116m2	2018	339	309	30	339	309	30	0	0	0
8	Xã An Hưng				1.540	1.400	140	1.079	939	140	461	461	0
	<i>Tiêu chí 5: Trường học</i>												
a	Tường rào, cổng ngõ sân bê tông, nhà để xe điểm trường Tiểu học và Mẫu giáo Thôn 2	Thôn 2	Xây dựng nhà để xe, Sân bê tông: 02 trường 800m, Tường rào lưới B40=120m; tường rào lam BT=150m; cổng ngõ	2018	825	750	75	625	550	75	200	200	0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>												
b	Sửa chữa nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt tự chảy Thôn 1	Thôn 1	Xây dựng 01 bể lắng lọc, 01 bể sử dụng và thay mới 400m ống thép fi 76mm và 500m ống nhựa fi 60mm, sửa chữa toàn bộ hệ thống	2018	715	650	65	454	389	65	261	261	0



Handwritten signature or mark.